TÒA ÁN NH DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2024
V/v: Ly hôn, nuôi con giữa:
Chị Đặng Thu Tr và
anh Phạm Quốc V.

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nH dân: Bà Trịnh Thị Kim Cúc và ông Ngô Kim Thành

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nH dân thành phố N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nH dân thành phố N tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nH dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thu Tr, sinh năm 1988; nơi cư trú tại: Số nhà 73E Ô19 phường H, thành phố N;

- *Bị đơn*: Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1985; đăng ký thường trú tại: Số 50 H, phường Tr, thành phố N; nơi cư trú tại: Ngõ 49 V, phường V, thành phố N (Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định);

(Chị Tr có mặt tại phiên toà, anh V có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 06-3-2024 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Đặng Thu Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nH: Chị và anh Phạm Quốc V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân phường Tr, thành phố N vào ngày 06-5-2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nH là không có tiếng nói chung nên đã sống ly tH từ cuối năm 2021 đến nay, vợ chồng không còn quam tâm gì đến nhau, anh V đã bỏ đi sống với người phụ nữ khác. Khoảng đầu năm 2024 anh V vi phạm pháp luật nên đã bị bắt giam về tội ma túy hiện nay đang bị giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định

nên càng không có điều kiện để quan tâm và chăm sóc vợ con. Vì vậy chị xin ly hôn với anh V.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Gia H1, sinh ngày 01-10-2009 và Phạm Đăng Bảo H, sinh ngày 12-10-2017. Chị Tr xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 27-3-2024 bị đơn là anh Phạm Quốc V trình bày:

- Về quan hệ hôn nH: Anh V xác nhận, anh và chị Tr tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 06-5-2009 tại Ủy ban nH dân phường Tr, thành phố N. Sau kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nH là do anh không làm tròn trách nhiệm của người chồng nên vợ chồng đã sống ly tH từ năm 2021 đến nay. Hiện nay anh đang bị tạm giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chị Tr xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh V xác nhận có hai con chung là Phạm Gia H1, sinh ngày 01-10-2009 và Phạm Đăng Bảo H, sinh ngày 12-10-2017. Anh V xin được nhận nuôi cả hai con chung không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con. Do anh V đang bị tạm giam nên đã viết giấy ủy quyền cho mẹ anh là bà Hà Thị Đ, sinh năm 1959 ; trú tại: Số 1 đường Ng, phường Ph, thành phố N thay anh chăm sóc các con trong thời gian anh đang phải chấp hành án.

- Về tài sản chung, nhà đất và công nợ chung của vợ chồng: Anh V và chị Tr đều thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 18-3-2024 cháu Phạm Gia H1, sinh ngày 01-10-2009 có nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 25-3-2024 Chính quyền địa phương nơi chị Tr và anh V xác nhận: Vợ chồng chị Tr, anh V có hai con chung là Phạm Gia H1, sinh ngày 01-10-2009 và Phạm Đăng Bảo H, sinh ngày 12-10-2017; việc vợ chồng chị Tr anh V có mâu thuẫn hay không địa phương không biết. Hiện chị Tr đang trực tiếp sống cùng 02 con tại Số nhà 73E Ô19 phường H, thành phố N khoảng 4 năm nay nhưng không thấy anh V sống cùng mẹ con chị Tr;

Đại diện Viện kiểm sát nH dân thành phố N căn cứ vào các Điều 21, 58, 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 71, 72, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Đặng Thu Tr và anh Phạm Quốc V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Tr và anh V.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014, giao cho chị Đặng Thu Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Phạm Gia H1, sinh ngày 01-

10-2009 và Phạm Đăng Bảo H, sinh ngày 12-10-2017. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tr không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Đặng Thu Tr và anh Phạm Quốc V không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Quốc V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Quốc V.

[2] Về quan hệ hôn nH: Chị Đặng Thu Tr và anh Phạm Quốc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nH dân phường Tr, thành phố N nên là hôn nH hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nH là do anh V chơi bời, thường bỏ nhà đi ở nơi khác, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã sống ly tH từ năm 2021 đến nay nên chị Tr xin ly hôn, anh V cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy: Mâu thuẫn của vợ chồng chị Tr anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nH không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử ly hôn giữa chị Tr và anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị Đặng Thu Tr và anh Phạm Quốc V có 02 con chung là Phạm Gia H1, sinh ngày 01-10-2009 và Phạm Đăng Bảo H, sinh ngày 12-10-2017. Chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Anh V cũng xin được nhận nuôi cả hai con chung không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian anh V đang tạm giam nên đã viết giấy ủy quyền cho mẹ anh là bà Hà Thị Đ, sinh năm 1959; trú tại: Số 1 đường Ng, phường Ph, thành phố N thay anh chăm sóc các con trong thời gian anh đang phải chấp hành án. Tòa án đã báo bà Đ đến Tòa án làm việc. Bà Đình đến Tòa án trình bầy nhưng bà Đ từ chối nhận sự uỷ quyền của anh V. Do vậy Tòa án đã thông báo cho anh V biết sự việc nhưng anh V không có ý kiến gì. Chị Tr có đơn trình bầy: Anh V cố tình làm ủy quyền như vậy chỉ để gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, vì thực tế trước khi anh V phạm tội về ma túy bị bắt hiện nay đang phải chấp hành hình phạt tù hơn 10 năm thì anh V cũng không đến thăm hỏi hay chăm sóc gì các con, thực tế anh V đã bỏ nhà đi sống cùng với người phụ nữ khác, bà Đ cũng không quan tâm hay hỏi han gì các cháu và cũng không có khả năng nuôi dậy các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần tạo điều kiện cho các cháu được ăn học tốt nhất đảm bảo quyền được chăm sóc, giáo dục và quyền lợi về mọi mặt cho các cháu hơn nữa cháu H1 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, hiện tại cháu H1 và cháu H đang ở cùng với chị Tr. Vì vậy sẽ giao 02 con chung cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014 nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nhà đất và công nợ chung của vợ chồng: Chị Đặng Thu Tr và anh Phạm Quốc V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Đặng Thu Tr phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nH: Xử ly hôn giữa chị Đặng Thu Tr và anh Phạm Quốc V.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung là Phạm Gia H1, sinh ngày 01-10-2009 và Phạm Đăng Bảo H, sinh ngày 12-10-2017 cho chị Đặng Thu Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đặng Thu Tr không yêu cầu anh Phạm Quốc V phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Quốc V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thu Tr phải nộp phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002000 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

4. Chị Đặng Thu Tr có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Quốc V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND-TP. Nam Định;
- Chi cục THADS-TP. Nam Định;
- UBND-P. Tr TP. Nam Định; số 23/2009, quyển 01
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Khánh